

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN  
ÂN THI TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ -ST  
Ngày 23/3/2021  
"V/v ly hôn và nuôi con chung"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Dục

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Chủ - Cán bộ nghỉ hưu

Bà Nguyễn Thị Nga - Chủ tịch hội LHPN huyện

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

**- Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hữu - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số 47/2020/TLST - HNGĐ ngày 16/12/2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 08/02/2021; quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/3/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tạ Thị L, SN 1986 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Đặng Công T, SN 1984 (vắng mặt)

*Người có QLVN liên quan:* Cháu Đặng Công M, SN 17/9/2005

Người đại diện hợp pháp của cháu M: Chị L – mẹ đẻ của cháu

Đều trú tại: B S, B S, Ân Thi, Hưng Yên

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2020 và lời khai của chị L trình bày chị và anh T là người cùng làng, hai gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho anh, chị, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc Sơn vào ngày 16/9/2004. Sau khi cưới chị về ngay gia đình anh T chung sống. Năm 2011, anh T bị tai nạn, chị có chữa trị cho anh T, nhưng sức khỏe không được như trước chị có khuyên anh T tìm việc nhẹ nhàng làm nhưng anh T không nghe, không chịu tìm việc, chị đi làm, khi về anh T chửi bới, có lời nói xúc phạm chị, thậm chí trong bữa ăn anh T cũng chửi bới, chị có nói với mẹ chồng sang Trung Quốc làm ăn để về trả nợ, năm 2014 chị sang, đến năm 2015 chị về anh T vẫn không thay đổi, thường xuyên chửi bới, đánh đập chị nên chị mang con về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 10/2015, từ đó anh T không sang nhà chị, mẹ chồng có sang và bảo chị về nhưng chị không về, sau một thời gian chị có gửi đơn đến thôn Bến Sông để giải quyết, trưởng thôn có mời anh T đến nhưng anh T bảo không bỏ vợ, bỏ

con, có đưa lại đơn cho chị. Đến năm 2020, mẹ chồng chị biết chị làm đơn ly hôn có sang nhà chị nói chuyện là cứ sống ly thân nhau như thế này để con có bố có mẹ nhưng chị không thể sống như vậy. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị làm đơn xin ly hôn anh T.

Về con chung: Có 01 con chung. Hiện nay con chung đang ở với chị.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị Tòa giải quyết

Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Chinh ( mẹ đẻ của anh T) trình bày: Bà xây dựng vợ chồng cho chị L, anh T vào năm 2004, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc Sơn. Sau khi thành vợ chồng chị L về ngay gia đình bà chung sống. Khoảng 2 tháng sau thì anh chị ra ở riêng. Quá trình chung sống anh chị chung sống bình thường và sinh được 1 con chung. Đến năm 2011 anh T bị tai nạn, sức khỏe yếu phải mất vài năm mới phục hồi được nhưng chị L vẫn chăm sóc cho đến khi anh T đi lại được. Khoảng 4 năm trước chị L đi làm ăn xa, còn anh T ở nhà tự lo cho mình. Sau khi chị L về thu dọn quần áo về nhà mẹ đẻ ở, bà có nói chuyện với chị L là vợ chồng ở với nhau để con có bố có mẹ nhưng chị L vẫn quyết định về bên bố mẹ đẻ, sau đó bà lại sang nói chuyện với bố mẹ chị L để khuyên chị L về nhưng bố mẹ chị L không có lời nào. Nay chị L xin ly hôn anh T, anh T nói không bỏ vợ, còn về phía bà việc vợ chồng anh T, chị L có tiếp tục chung sống với nhau hay không là quyền của anh T, chị L

Về con chung: Anh T, chị L có 01 con chung là Đặng Công M, SN 2005. Hiện nay con chung của anh chị đang ở với chị L.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh T, chị L có ngôi nhà xây năm 2011. Ngoài ra không còn tài sản chung nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị Miên (mẹ đẻ của chị L) trình bày: Anh T, chị L là người cùng làng, anh chị tự tìm hiểu nhau sau đó về báo cáo hai gia đình, hai gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho anh chị, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc Sơn vào năm 2004. Sau khi cưới, chị L về ngay gia đình chồng chung sống, khoảng 2 tháng anh T chị L ra ăn riêng. Đến năm 2009, anh chị làm nhà 1 tầng mái bằng trên đất của bố mẹ chồng. Đến năm 2011 anh T bị tai nạn, đi lại không được, một mình chị L chăm sóc chồng đến vài năm sau anh T đi lại được, anh T phục hồi sức khỏe, thay đổi tính nết, thường xuyên nổi nóng vô cớ, trong bữa ăn cũng chửi bới chị T nên chị T không thể ở được, vì vậy 2 mẹ con chị L về nhà bà ở. Nay chị L xin ly hôn anh T thì do anh chị quyết định.

Về con chung: Anh T, chị L có 01 con chung là Đặng Công M, SN 2005. Hiện nay cả con chung của anh chị đang ở với chị L.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh T, chị L có những gì bà không rõ.

Tại lời khai ông Nguyễn Văn Ba (trưởng thôn Bên Sông) trình bày: Chị L, anh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc Sơn vào năm 2004. Do kinh tế, anh T đi làm sơn sau đó bị tai nạn, chị L đã chữa trị cho anh T khỏe mạnh, nhưng sức khỏe của anh T không được như trước nên không đi xin việc công ty mà chỉ làm việc nhẹ, vì vậy anh T đi ve chai để tự nuôi mình. Khi anh T bình phục chị L đi sang Trung Quốc làm ăn, chị L về năm 2016, sau đó về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống

ly thân nhau. Việc vợ chồng chị L, anh T mâu thuẫn như thế nào thì ông không rõ, nhưng chị L đã 3 lần nộp đơn xin ly hôn anh T. Ông có đến nhà hòa giải, hỏi quan điểm của anh T, anh T trình bày không bỏ vợ, bỏ con, về phía gia đình anh T thì việc anh T, chị L có ở được với nhau hay không là quyền của anh chị. Ông cũng đã vận động chị L về ở nhưng không được.

Tại biên bản xác M với UBND xã Bắc Sơn: Chị L, anh T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc Sơn vào ngày 16/9/2004 tại số 38. Quá trình chung sống chị L, anh T chung sống có mâu thuẫn hay không chính quyền địa phương không nắm được. Nhưng theo phản ánh của trưởng thôn Bền Sông chị L đã làm đơn xin ly hôn anh T vài lần, thôn đã đứng ra hòa giải, giải quyết sau đó chị L cầm đơn lại.

Về con chung: Anh T, chị L có 01 con chung là Đặng Công M, SN 2005.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: UBND xã không nắm được

Tại phiên tòa ngày 05/3/2021: Chị L có mặt, anh T vắng mặt lần thứ nhất. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 23/3/2021: Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì công việc không thể xin nghỉ được, anh T vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

**\* Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:**

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định tại điều 48; 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ.

+ Về đường lối giải quyết:

Áp dụng điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và điều 84 Luật hôn nhân gia đình ; khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227, điều 228 và điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Tạ Thị L được ly hôn anh Đặng Công T.

- Về con chung: Giao cháu Đặng Công M, SN 2005 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị L. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- Tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Không đặt ra giải quyết.

Sau này anh T có yêu cầu về tài sản chung; công nợ; công sức có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

- Án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc Sơn vào ngày 16/9/2004. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị L, anh T là hợp pháp. Nay chị L có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh T đang cư trú tại B S, B S, Ân Thi nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị L xác định năm 2014 sau thời gian anh T bị tai nạn, chị đã một mình chăm sóc đến khi anh T hồi phục sức khỏe, nhưng anh T lại thay đổi tính nết, thường xuyên chửi bới chị, không chịu tìm việc để đi làm, chị đi làm về có lời nói xúc phạm chị, thậm chí trong bữa ăn anh T cũng chửi chị, còn đánh chị nữa, sau đó chị phải sang Trung Quốc làm, đến năm 2015 chị về nhưng anh T không thay đổi, vì vậy mâu thuẫn vợ chồng càng tăng nên chị mang con về nhà bố mẹ để ở từ tháng 10/2015 và vợ chồng sống ly thân nhau từ thời gian đó, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Quá trình Tòa án thụ L, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ anh T đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, anh T biết nhưng anh đều vắng mặt không có L do nên Tòa án không thể hoà giải đoàn tụ vợ chồng cho anh chị được. Như vậy thể hiện anh T không còn muốn xây dựng vợ chồng với chị L nữa, qua lời khai của bà Chinh (mẹ anh T) và trưởng thôn Bên Sông thì anh T không muốn ly hôn nhưng trong suốt thời gian sống ly thân nhau anh T không tìm được biện pháp gì để khắc phục rạn nứt vợ chồng, đồng thời chính chị L đã nhiều lần có đơn xin ly hôn anh T gửi thôn, thời gian mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, kéo dài, chị L anh T ly thân nhau đã lâu, bởi vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân giữa chị L, anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T, chị L không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh T, chị L có 01 con chung là Đặng Công M, SN 17/9/2005. Nay ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi con chung. Còn về phía anh T do anh T từ chối khai nên trong hồ sơ không thể hiện nguyện vọng của anh T. Xét nguyện vọng của chị L là phù hợp với thực tế vì hiện nay con chung đang ở với chị L, cháu M cũng có nguyện vọng ở với chị L, còn anh T hiện nay công việc không ổn định, đi nhặt ve chai nên để tránh việc xáo trộn trong học tập, sinh hoạt của cháu,

HĐXX xét thấy cần giao cháu M cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên là đảm bảo mọi mặt cho con chung. Về cấp dưỡng chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì hiện nay làm công ty lương hàng tháng là 6.500.000 đồng (bảng lương tháng 02/2021), yêu cầu của chị là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đặt ra giải quyết.

Sau này anh T có yêu cầu về tài sản chung; công nợ; công sức có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1, 3 Điều 228; điều 238 khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tạ Thị L được ly hôn anh Đặng Công T

2- Về con chung: Giao cháu Đặng Công M, SN 2005 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị L. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đặt ra giải quyết.

Sau này anh T có yêu cầu về tài sản chung; công nợ; công sức có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

4 - Về án phí : Chị L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0000743 ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị L đã nộp đủ án phí.

5- Quyền kháng cáo: Chị L, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

#### **Nơi nhận:**

- Phòng GDKT và THA tỉnh;
- VKSND + THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND xã Bắc Sơn - Ân Thi;
- Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đồng Dục**

